

Đề 1:

Khởi động chương trình bảng tính và thực hiện:

1. Nhập dữ liệu và thực hiện chỉnh sửa trang tính như mẫu (Thực hiện định dạng văn bản và số, tô màu văn bản, tô màu nền, căn chỉnh dữ liệu và kẻ đường biên). (5 điểm)

	A	B	C	D	E
1	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT				
2					
3	Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ	Tổng
4	2001	1,640.31	542.155	1,049.45	
5	2002	1,703.66	740.99	1,263.81	
6	2003	1,749.27	1,361.65	1,397.21	
7	2004	1,880.45	1,597.52	1,577.53	
8	2005	2,009.32	1,886.06	1,789.94	
9	2006	1,924.60	2,356.67	2,151.85	
10	Trung bình				
11	Lớn nhất				
12	Nhỏ nhất				

2. Sử dụng hàm hoặc công thức để tính tổng giá trị sản xuất từng năm theo ngành. (1điểm)
3. Sử dụng hàm hoặc công thức để tính giá trị sản xuất trung bình theo ngành trong các năm. (1điểm)
4. Tính giá trị sản xuất lớn nhất theo các cột tương ứng. (1điểm)
5. Tính giá trị sản xuất nhỏ nhất theo các cột tương ứng. (1điểm)
6. Chèn thêm hàng 1 hàng trống trên hàng số 9 và nhập vào dữ liệu tùy ý.(1điểm)

Đề 2:

Khởi động chương trình bảng tính và thực hiện:

1. Nhập dữ liệu và thực hiện chỉnh sửa trang tính như mẫu (Thực hiện định dạng văn bản và số, tô màu văn bản, tô màu nền, căn chỉnh dữ liệu và kẻ đường biên). (5 điểm)

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	BẢNG ĐIỂM CỦA EM							
2								
3	STT	Môn Học	KTTX Lần 1	KTTX Lần 2	KT Giữa Kỳ	KT Cuối Kỳ	Điểm Tổng Kết	
4	1	Toán	8	8	9	10		
5	2	Ngữ Văn	8	8	9	9		
6	3	Tiếng Anh	8	9	9	9		
7	4	KHTN	9	10	9	10		
8	5	LS-ĐL	8	9	8	9		
9	6	Tin Học	8	8	8	8		
10	7	Công Nghệ	7	6	7	8		
11	8	GDCD	9	7	8	7		
12	Điểm Tổng Kết cao nhất							
13	Điểm Tổng Kết thấp nhất							
14								

2. Lập công thức để tính điểm tổng kết của em theo từng môn học. Biết điểm KTTX nhân hệ số 1, điểm KT Giữa Kỳ nhân hệ số 2, điểm KT cuối kỳ nhân hệ số 3 (1 điểm).

3. Giảm chữ số thập phân của cột điểm tổng kết (1 điểm).

4. Sử dụng hàm thích hợp để tính điểm tổng kết cao nhất (1 điểm).

5. Sử dụng hàm thích hợp để tính điểm tổng kết thấp nhất (1 điểm).

6. Chèn thêm hàng 1 hàng trống trên hàng số 5 và nhập vào dữ liệu tùy ý (1 điểm).

Đề 3:

Khởi động chương trình bảng tính và thực hiện:

1. Nhập dữ liệu và thực hiện chỉnh sửa trang tính như mẫu (Thực hiện định dạng văn bản và số, tô màu văn bản, tô màu nền, căn chỉnh dữ liệu và kẻ đường biên). (5 điểm)

	A	B	C	D	E
1	HÓA ĐƠN THANH TOÁN TIỀN SÁCH				
2					
3	Stt	Tên sách	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
4	1	Hình học 7	4500	200	
5	2	Đại số 7	3200	100	
6	3	Tin học 7	3400	300	
7	4	Vật lý 7	4200	800	
8	5	Sinh học 7	3300	200	
9	6	Ngữ văn 7	5000	100	
10	Tổng tiền sách				
11	Xác định thành tiền lớn nhất				
12	Xác định thành tiền nhỏ nhất				

- Tính thành tiền các loại sách. Biết thành tiền = Đơn giá * Số lượng (1 điểm)
- Sử dụng hàm hoặc công thức thích hợp để tính tổng tiền (1 điểm).
- Xác định số tiền lớn nhất của cột thành tiền (1 điểm).
- Xác định số tiền nhỏ nhất của cột thành tiền (1 điểm).
- Chèn thêm hàng 1 hàng trống trên hàng số 7 và nhập vào dữ liệu tùy ý (1 điểm).

Đề 4:

Khởi động chương trình bảng tính và thực hiện:

1. Nhập dữ liệu và thực hiện chỉnh sửa trang tính như mẫu (Thực hiện định dạng văn bản và số, tô màu văn bản, tô màu nền, căn chỉnh dữ liệu và kẻ đường biên). (6 điểm)

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	BẢNG THU NHẬP HÀNG QUÝ								
2									
3	STT	Họ và tên	Thu nhập						Tổng cộng
4			Quý I			Quý II			
5			Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	
6	1	Vương Ngọc Yến	123000	456000	789000	123000	253000	154800	
7	2	Mai Văn Anh	456000	215000	253000	152000	254000	120000	
8	3	Phùng Ngọc Đức	212000	121000	123000	456000	250000	320000	
9	4	Nghiêm Vĩnh Xuân	125000	125000	250000	254000	125000	125000	
10	5	Đoàn Thanh Hải	125000	125000	250000	254000	125000	125000	
11	Tổng Cộng								
12	Thu nhập trung bình Quý I, Quý II								

2. Tính tổng cộng thu nhập của nhân viên theo từng hàng tương ứng (1 điểm)
3. Tính tổng cộng thu nhập của tháng theo từng cột tương ứng (1 điểm).
4. Tính thu nhập trung bình Quý I, Quý II theo các cột tương ứng (1 điểm).
5. Chèn thêm hàng 1 hàng trống trên hàng số 8 và nhập vào dữ liệu tùy ý (1 điểm).

Đề 5:

Khởi động chương trình bảng tính và thực hiện:

1. Nhập dữ liệu và thực hiện chỉnh sửa trang tính như mẫu (Thực hiện định dạng văn bản và số, tô màu văn bản, tô màu nền, căn chỉnh dữ liệu và kẻ đường biên). (5 điểm)

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG 10 TỈNH CÓ DÂN SỐ CAO NHẤT VIỆT NAM					
2	Tổng điều tra dân số vào năm 2019					
3	Hạng	Tên Tỉnh (Thành)	Diện tích (km²)	Dân Số (Người)	Mật độ dân số (Người/km²)	
4	1	TP. Hồ Chí Minh	2,061.00	9,166,800		
5	2	Hà Nội	3,358.90	8,053,663		
6	3	Bắc Ninh	822.7	1,368,840		
7	4	Hưng Yên	930.2	1,252,731		
8	5	Thái Bình	1,570.50	1,860,447		
9	6	Hải Phòng	1,561.80	1,837,173		
10	7	Hải Dương	1,668.20	1,892,254		
11	8	Nam Định	1,668.00	1,780,393		
12	9	Vĩnh Phúc	1,235.20	1,154,154		
13	10	Hà Nam	860.9	852,800		
14	Tổng Cộng					
15			Mật độ dân số lớn nhất			
16			Mật độ dân số nhỏ nhất			
17						

2. Tính mật độ dân số. Biết Mật độ dân số = Dân số / diện tích (1 điểm)

3. Sử dụng hàm hoặc công thức thích hợp để tính tổng diện tích và dân số (1 điểm).

4. Xác định mật độ dân số lớn nhất (1 điểm).

5. Xác định mật độ dân số nhỏ nhất (1 điểm).

6. Chèn thêm hàng 1 hàng trống trên hàng số 10 và nhập vào dữ liệu tùy ý (1 điểm).